TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HS-PT
Ngày 25/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Phan Tô Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 921/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thành N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 67/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam.

Nguyên quán: xã H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Nơi thường trú: Tổ A, khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Nơi ở hiện tại: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc khi phạm tội: nguyên Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (đã bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 275/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận);

Đoàn thể: Đảng viên, ngày 04/01/2023 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy H2, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Nguyễn Thành N.

Con ông: Nguyễn S, sinh năm: 1931 (đã chết);

Con bà: Phan Thị L, sinh năm: 1933 (đã chết);

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969 (đã ly hôn);

Con: Nguyễn Nhân K, sinh năm: 1996; Con: Nguyễn Nhân L1, sinh năm: 2003; Gia đình có 07 anh chị em: Bị cáo là con thứ 6;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản án Dân sự phúc thẩm số 120/2018/DS-PT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Tuyết V, trú tại: B đường T, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận với ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị D, trú tại: N, thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận đã tuyên: buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 429.880.000đồng tiền gốc và tiền lãi. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà D chưa thi hành xong khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Tuyết V làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 12/11/2018, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là THADS) huyện H, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định thi hành án dân sự số 115/QĐ-CCTHADS và phân công Nguyễn Thành N, Chấp hành viên sơ cấp thụ lý, giải quyết. Ngoài việc ông T, bà D phải thi hành án cho bà V, thì ông T, bà D còn phải thi hành án cho Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh thành phố P, tỉnh Bình Thuận số tiền gốc và lãi chậm thi hành án là 5.539.536.000đồng; thi hành án cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á - Chi nhánh thành phố P, tỉnh Bình Thuận số tiền gốc và lãi suất chậm thi hành án là 5.802.790.015đồng và thi hành án cho bà Trần Thị Ngọc Y, trú tại: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Thuận số tiền gốc là 182.302.000đồng.

Sau khi tiến hành xác minh tài sản và bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T, bà D dùng thế chấp tại hai Ngân hàng để thi hành án, ngày 13 và ngày 14/01/2022, Nguyễn Thành N tổ chức cưỡng chế giao tài sản cho ông Nguyễn Minh T1, trú tại: 436/77/23 đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người mua trúng đấu giá. Tổng số tiền 11.088.751.280đồng bán đấu giá chỉ đủ để thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, không đủ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á. Ngày 21/01/2022 Nguyễn Thành N tiến hành làm việc với Ngân hàng thương mại cổ phần Á về nội dung không đủ tiền thanh toán và Ngân hàng thương mại cổ phần Á đồng ý ưu tiên thanh toán cho các hộ dân là bà V và bà Y trước, số tiền 1.784.954.702đồng còn thiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á đề nghị xác minh tài sản của ông T, bà D nếu không còn tài sản thì đưa vào diện chưa có điều kiện thi hành án.

Ngày 17/02/2022 Nguyễn Thành N mời bà Nguyễn Thị Tuyết V đến Chi cục THADS huyện H để làm việc. Tại buổi làm việc, bà V nói nếu giải quyết cho bà được nhận tiền sớm thì sẽ bồi dưỡng cho N và Chi cục THADS huyện H 50.000.000đồng, N nói sẽ tính toán cụ thể xem sao. Ngày 14/01/2022 Nguyễn Thành Nhân t đến ngày cưỡng chế giao tài sản cho người mua trúng đấu giá thì ông T, bà D phải trả cho bà V tổng số tiền là 568.199.622đồng, trong đó số tiền gốc và lãi trước đó là 429.880.000đồng, số tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án là 138.319.622đồng nhưng N không cho bà V biết nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền này của bà V.

Ngày 23/02/2022 N làm đề nghị chi số tiền 568.199.622đồng để chi trả cho bà V, trình bà Phạm Thị S1, Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện H phê duyệt. Sau khi có Giấy ủy nhiệm chi ngày 23/02/2022, bà Đặng Thị T2, Thủ quỹ Chi cục THADS huyện H đến Ngân hàng N1 - Chi nhánh H3 giao dịch rút số tiền 750.501.622đồng, bao gồm tiền chi trả thi hành án cho bà Nguyễn Thị Tuyết V là 568.199.622đồng và tiền chi trả cho bà Trần Thị Ngọc Y là 182.302.000đồng.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/02/2022 N mời bà V đến nhận tiền thi hành án. N nói thủ quỹ Đặng Thị Tuyết x số tiền ghi trong Phiếu chi, mang lên phòng họp của cơ quan để N chi trả tiền cho bà V. Bà T2 mang đủ số tiền ghi trong phiếu chi là 568.199.622đồng giao cho N, rồi bà T2 đi về. N đưa cho bà V ký Phiếu chi ở mục *"Người nhận tiền"* và ký phiếu nộp phí thi hành án 3% là 17.045.988đồng, lúc này bà V mới biết bà được nhận cả tiền gốc và tiền lãi là 568.199.622đồng, trong đó số tiền lãi do chậm thi hành án là 138.319.622đồng. Sau khi bà V ký nhận vào phiếu chi nhận tiền, N chỉ giao cho bà V số tiền 430.000.000đồng tiền gốc và lãi hợp đồng. Số tiền lãi chậm trả 138.319.622đồng còn lại, sau khi trừ số tiền 17.045.988đồng phí thi hành án mà bà V phải nộp còn lại là 121.153.634đồng, N không chi trả cho bà V mà chiếm đoạt số tiền này, cất giữ trong tủ cá nhân của mình tại cơ quan.

Ngày 02/3/2022 bà V làm đơn khiếu nại về việc N chiếm đoạt số tiền lãi chậm trả nêu trên. Khi biết bà V làm đơn khiếu nại, N gọi điện thoại cho bà V để xin trả lại tiền, nhưng bà V không nghe máy. Cùng ngày N đến nhà bà V thì chỉ gặp bà Nguyễn Thị T3 (mẹ bà V). N kể lại sự việc cho bà T3 nghe, mong muốn được trả lại tiền. Ngày 10/3/2022 N gọi điện thoại cho bà T3 hỏi, thì bà T3 cho biết bà V chỉ lấy 100.000.000đồng, số tiền còn lại cho N.

Ngày 11/3/2022 N đến Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh H3 chuyển vào số tài khoản của ông Nguyễn Đình H1 (cháu rể của N) số tiền 100.000.000đồng, nhờ ông H1 mang đến đưa cho bà V. Ông H1 đến đưa cho bà T3 số tiền 100.000.000đồng để bà T3 chuyển lại cho bà V, đến ngày 14/3/2022 bà V làm đơn bãi nại cho N. Khoảng hai ngày sau, bà T3 gọi điện thoại cho N nói bà V không đồng ý cho N số tiền còn lại nên N đã gọi điện thoại cho bà V để xin gặp trả lại tiền, bà V nói không nhận tiền mặt và nhắn tin số tài khoản vào điện thoại cho N để N chuyển tiền. Ngày 21/3/2022 N đến Ngân hàng thương mại cổ

phần S2 - Chi nhánh H3, tỉnh Bình Thuận chuyển vào tài khoản của bà V số tiền 21.000.000đồng.

Quá trình N gọi điện thoại trao đổi với bà V và bà T3 thì bà V, T3 đã dùng điện thoại ghi âm lại và giao nộp cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13/02/2023 Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-VKSTC-C1(P5) trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định giọng nói, dịch lời thoại trong file ghi âm do bà V cung cấp. Tại Kết luận giám định số 1433/KL-KTHS ngày 23/5/2023 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C1 kết luận:

"Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp âm thanh tiếng nói của bà Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị T3 *và tiếng nói của* Nguyễn Thành N *trong mẫu so sánh".*

Nội dung hội thoại trong 05 file âm thanh được dịch thành văn bản, thể hiện việc Nguyễn Thành N mời bà Nguyễn Thị Tuyết V đến nhận tiền, N trả lại tiền sau khi bị bà V tố cáo và khi N chi trả tiền cho bà V, như nội dung vụ án đã nêu trên.

- Lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết V: Ngày 17/02/2022 ông N mời bà V đến làm việc. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Thành N nói với bà Nguyễn Thị Tuyết V, nếu bà V chấp nhận lấy 430.000.000đồng, thì ông N và bà Phạm Thị S1, Chi cục trưởng THADS huyện H sẽ giải quyết sớm, riêng số tiền lãi do chậm thi hành án thì để lại cho cơ quan thi hành án, nếu không chấp nhận thì chờ chia tỷ lệ phần trăm. Bà V nói, nếu giải quyết sớm thì bà V gửi lại cho cơ quan thi hành án 50.000.000đồng, nhưng ông N không đồng ý. Ngày 23/02/2022 ông N đưa cho bà V ký phiếu chi, nhận số tiền 568.199.622đồng và ký phiếu nộp phí thi hành án 3% là 17.045.988đồng. Nhưng thực tế bà V chỉ được nhận 430.000.000đồng tiền gốc, số tiền 121.153.634đồng lãi phát sinh chậm trả ông N đã chiếm đoạt không chi trả nên đã làm đơn khiếu nại gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị giải quyết. Sau khi biết bà V làm đơn khiếu nại, ông N đã trả lại cho bà V tổng số tiền 121.000.000đồng. Ngày 14/3/2022 bà V đã làm đơn bãi nại xin rút đơn khiếu nại trên do ông N đã khắc phục hậu quả.

- Lời khai của bà Nguyễn Thị T3 khai về việc ông Nguyễn Thành N đến nhà gặp bà T3, mong muốn được trả lại tiền cho bà V và việc ông N nhờ ông Nguyễn Đình H1 mang 100.000.000đồng đến đưa cho bà để bà giao lại cho bà V là đúng, phù hợp với lời khai của bà V, ông N và lời khai của ông H1.

- Lời khai của ông Nguyễn Đình H1: Khoảng đầu tháng 3/2022 ông Nguyễn Thành N có nhờ ông dẫn đến nhà bà Nguyễn Thị T3 ở thị xã L, ông N không nói cho ông biết là đến làm việc gì. Khi đến nhà bà T3, ông N vào trong nhà, ông H1 ngồi ở ngoài nên không biết ông N và bà T3 nói chuyện, trao đổi về nội dung gì. Đến sáng ngày 11/3/2022 ông N gọi điện thoại bảo ông nhắn số tài khoản ngân hàng của ông H1 để ông N chuyển tiền vào tài khoản của ông H1 và nhờ H1 rút tiền ra mang đến đưa cho bà T3, nên ông H1 đã nhắn số tài khoản của ông vào

điện thoại cho ông N. Đến trưa cùng ngày, tin nhắn điện thoại của ông H1 báo đã nhận được 100.000.000đồng nên ông H1 ra Ngân hàng rút 100.000.000đồng và mang đến đưa cho bà T3.

- Lời khai của bà Đặng Thị T2 (Thủ quỹ): Khi tường trình với Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam trong quá trình Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát (ngày 10/3/2022); tường trình với Chi cục THADS huyện H và khi làm việc với Cục THADS tỉnh B, bà T2 trình bày bà là người trực tiếp chi tiền thi hành án cho bà V, nhưng khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tiến hành xác minh đơn khiếu nại và khi làm việc với Cơ quan điều tra, bà T2 trình bày ông N là người trực tiếp chi tiền thi hành án cho bà V. Do trước đây bà khai bà là người trực tiếp chi trả tiền cho bà V, là do khi biết Chấp hành viên N ăn chặn tiền thi hành án của bà V, vì tình đồng nghiệp, sợ ảnh hưởng đến Chấp hành viên N nên bà khai như vậy.

* Tại Cáo trạng số 5248/CT-VKSTC-P6 ngày 23/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội: "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 67/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 11/10/2023, bị cáo Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm miễn hình phạt cho bị cáo, nếu không được miễn hình phạt thì bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Hội đồng xét xử, bị cáo đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung kháng cáo:

Bản án sơ thẩm xét xử và áp dụng mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

- *Bị cáo:*

Thống nhất với tội danh, tuy nhiên mức hình phạt của bản án sơ thẩm là quá nghiêm khắc, bản thân gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện tự cải tạo trở thành công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hoặc miễn hình phạt tù Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo giống như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, của người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Nguyễn Thành N nguyên là Chấp hành viên sơ cấp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, được phân công tổ chức thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 120/2018/DS-PT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định: buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 429.880.000đồng tiền gốc và tiền lãi; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà D chưa thi hành xong khoản tiền 429.880.000đồng thì phải chịu tiền lãi do chậm trả thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm.

Trong quá trình tổ chức thi hành Quyết định thi hành án dân sự số 115/QĐ-CCTHADS ngày 12/11/2018 của Chi cục THADS huyện H, tỉnh Bình Thuận, bị cáo N đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự mà đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của Chấp hành viên, trực tiếp chi trả tiền thay cho bà Đặng Thị T2, Thủ quỹ của Chi cục THADS huyện H, không chi trả đúng, đủ số tiền 568.199.622đồng tiền gốc và lãi phát sinh chậm trả thi hành án cho bà Nguyễn Thị Tuyết V mà bị cáo N chỉ chi trả cho bà V số tiền 430.000.000đồng là tiền gốc và lãi ban đầu, số tiền 121.153.634đồng lãi phát sinh chậm trả còn lại bị cáo N không chi trả mà giữ lại nhằm chiếm đoạt tiền của bà V. Sau khi biết bà V làm đơn khiếu nại, Nguyễn Thành N mới trả lại cho bà V số tiền 121.000.000đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thành N đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận nói chung và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam nói riêng, làm giảm uy tín của người thực hiện nhiệm vụ, công vụ và chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo phạm tội " Lạm dụng chức vụ quyền hạn, chiếm đoạt tài sản " theo điểm d, khoản 2 Điều 355 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành N thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả; quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc và được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; bị cáo có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt bị cáo với hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tù bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo luật định.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N; giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 67/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND thị trấn Thuận Nam;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Tuấn Vinh